TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH PHÚ THO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tư do - Hanh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2018
"*V/v Tranh chấp Hôn nhân và* gia *đình* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Anh Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Hiền
Ông Nguyễn Huy Trụ
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Trần Anh Quang - Cán bộ TAND thành phố Việt Trì
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì: Ông Nguyễn Đăng Lâm, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 4/6/2018 về việc: " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1262/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị N - sinh năm 1981
Địa chỉ: SN 18, tổ 20, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

* Bị đơn: Anh A - sinh năm 1975
Địa chỉ: SN 18, tổ 20, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị N trình bày***: Chị và anh A kết hôn vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở tổ 20, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng hay xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2011 đến năm 2017 chị đã hai lần nộp đơn ra tòa nhưng vì thương các con còn nhỏ và được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn về nhưng vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh A.

- ***Bị đơn anh A trình bày***: Giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do chị N muốn ra ở riêng, không muốn sống chung với gia đình nhà chồng. Tác động bên ngoại xây mua đất xây nhà, khi đó anh thì bận đi làm, nên chưa có đủ điều kiện và được tuổi, anh có nói với chị N tạm thời ở nhà thuê nhưng chị vẫn một mực theo ý kiến của riêng mình dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm. Tuy anh A không có mặt tại phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải ngày 27/8/2018, anh A nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị N và anh A đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng An N, sinh ngày 28/5/2009 và Hoàng Thanh P, sinh ngày 02/7/2014. Tại phiên tòa, chị N đề nghị tòa án xem xét cho chị được nuôi cả hai con chung và chị

không đề nghị anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh A giữ nguyên quan điểm xin nuôi cháu N vì cháu học xa cơ quan, nhà chị N.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Đề nghị xử chị N ly hôn với anh A. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thanh P, sinh ngày 02/7/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là Hoàng An N, sinh ngày 28/5/2009 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. **Về tố tụng**:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị N và bị đơn là anh A. Anh A có nơi cư trú tại phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thành phố V.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh A đã có bản tự khai và được Tòa án hòa giải nhưng không thành. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho anh A, anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[**2**]. **Về hôn nhân**: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh A là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh A xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Khoảng 4 tháng trở lại đây chị N và anh A sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa, tuy anh A không có mặt để trình bày nhưng tại phiên hòa giải ngày 27/8/2018 thì anh A đã nhất trí ly hôn với chị N. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh A là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[**3**]. **Về con chung**: Chị N và anh A thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Hoàng An N, sinh ngày 28/5/2009 và Hoàng Thanh P, sinh ngày 02/7/2014. Tại phiên tòa, chị N đề nghị tòa án xem xét cho chị được nuôi cả hai con chung và chị không đề nghị anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải anh A xin nuôi cháu N vì cháu học xa cơ quan, xa nhà chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh A đều có đủ điều kiện để được nuôi con chung, cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng. Cháu N hiện nay đang ở với anh A, cháu có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[**4**]. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Tại phiên tòa, chị N không đề nghị anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh A chưa thể hiện quan điểm về cấp dưỡng nuôi con nhưng việc chị N và anh A mỗi người nuôi một con chung là hợp lý nên không buộc chị N, anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[**5**]. **Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp**: Chị N, anh A đều xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[**6**]. **Về án phí**: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

[1]. Xử cho chị N được ly hôn với anh A

[2]. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thanh P, sinh ngày 02/7/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là Hoàng An N, sinh ngày 28/5/2009 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh A cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N và anh A không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005078 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, TP
- Thi hành án
- Đương sự
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Lê Anh Tuấn